

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện chuyển đổi số 9 tháng đầu năm 2023
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện Công văn số 4850/BTTTT-CĐSQG ngày 21/9/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số phục vụ Phiên họp Quý III năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số 9 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

I. Kết quả triển khai chuyển đổi số 9 tháng đầu năm 2023.

1. Nhận thức số

Công tác truyền thông thúc đẩy quá trình chuyển đổi số luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, được triển khai đồng bộ, đổi mới nội dung, hình thức, tần suất tuyên truyền; đa dạng hóa phương thức truyền thông, từ hệ thống truyền thanh cơ sở đến trang/cổng thông tin điện tử và sử dụng các nền tảng mạng xã hội để thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền.

- Trang thông tin chuyển đổi số của tỉnh (<https://chuyendoiso.thanhhoa.gov.vn>) đã đưa được 95 tin bài và thu hút được khoảng 1.278.516 lượt người theo dõi và là kênh thông tin chính thống để cập nhật và đưa thông tin về chuyển đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân và doanh nghiệp (về các chính sách pháp luật, sáng kiến, cách làm). Trang thông tin điện tử của các đơn vị đã đưa được 495 tin, bài; hệ thống đài truyền thanh đã phát 1.816 lượt tin để tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí để xây dựng 03 phóng sự, 20 bài viết tuyên truyền về mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số ở các xã, phường; xây dựng phóng sự: Thanh Hóa triển khai thí điểm mô hình “3 không”¹; Thanh Hóa phấn đấu cải thiện thứ hạng chuyển đổi số của tỉnh. Duy trì, triển khai mô hình “03 Không” tại phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa; xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân; xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa; xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương; xã Nga Liên,

¹ Không phải khai báo thông tin nhiều lần trong thực hiện dịch vụ công, không dùng tiền mặt trong một số các dịch vụ thiết yếu và không cần tiếp xúc trực tiếp với chính quyền.

huyện Nga Sơn; xã Hải Long, huyện Như Thanh và xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn. Thành phố Thanh Hóa đã triển khai mô hình chợ không dùng tiền mặt tại chợ Điện Biên, chợ Quảng Thắng. Mô hình “Thôn thông minh” đã được triển khai tại xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hóa và xã Định Long, huyện Yên Định. Huyện Đông Sơn đã triển khai mô hình đưa sản phẩm nông sản lên sàn gắn truy xuất nguồn gốc và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Ngành Y tế đã triển khai mô hình “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID” tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và 678/678 cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh giúp cho người dân đi khám chữa bệnh không phải mang theo thẻ Bảo hiểm Y tế.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tổ chức 04 Hội nghị tư vấn cho 600 doanh nghiệp tiếp cận các nền tảng chuyển đổi số của Công ty Cổ phần Misa, Tổng công ty Mobifone như: nền tảng hỗ trợ vay vốn tín chấp, nền tảng chuyển đổi số cho doanh nghiệp ... (Hội nghị tư vấn cho các doanh nghiệp về lựa chọn các giải pháp, quy trình thực hiện chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; Hội nghị Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn vay, phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh; Hội nghị tư vấn chuyển đổi số cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thọ Xuân và Hội nghị tư vấn chuyển đổi số cho các doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Nghi Sơn).

2. Thẻ chế số

Với quyết tâm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong việc xây dựng, phát triển Chính quyền số và chỉ đạo việc đẩy mạnh thực hiện quá trình chuyển đổi số đối với tất cả các lĩnh vực, ngành nghề. Trong thời gian qua, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh quá trình thực hiện chuyển đổi số.

UBND tỉnh, Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành 01 Chỉ thị, 09 Quyết định, 06 Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo khác; trong đó, nổi bật là:

+ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị Camera giám sát;

+ Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

+ Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

+ Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030;

+ Kế hoạch số 225/KH-UBND, ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh về việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023-2025;

+ Công văn số 9791/UBND-CNTT ngày 10/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số;

+ Công văn số 11401/UBND-CNTT ngày 08/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa hằng năm.

(Có phụ lục 01 chi tiết gửi kèm theo)

3. Hạ tầng số

3.1. Hạ tầng CNTT

Hạ tầng, trang thiết bị CNTT trong các cơ quan, đơn vị tiếp tục được quan tâm đầu tư từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm phục vụ tốt công tác chuyên môn, chuyển đổi số; 100% cán bộ, công chức được trang bị thiết bị CNTT; 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có hạ tầng mạng LAN, kết nối Internet đảm bảo thông suốt, an toàn để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Các Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh tiếp tục được đầu tư đảm bảo cho việc duy trì, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; Hệ thống điều hành, giám sát an ninh mạng (SOC) được đầu tư, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và luôn hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn 24/7.

Các đơn vị duy trì hoạt động của hơn 700 phòng họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã; phối hợp tổ chức vận hành 97 hội nghị giao ban trực tuyến của UBND tỉnh và các Bộ, ngành trung ương; và hơn 380 cuộc họp trực tuyến giữa cấp huyện với cấp xã nhằm tiết kiệm về mặt thời gian và chi phí hành chính.

3.2. Hạ tầng viễn thông

Hạ tầng viễn thông tiếp tục được các doanh nghiệp đầu tư mở rộng vùng phục vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet băng thông rộng và dịch vụ truyền hình qua mạng viễn thông. Tổng số trạm thu, phát sóng thông tin di động (trạm BTS) trên toàn tỉnh là 9.399 trạm BTS (trong đó có 2.789 trạm 2G, 2.713 trạm 3G, 3.897 trạm 4G) được lắp đặt tại 3.920 vị trí (cột A1 chiếm 3.3%, cột A2 chiếm 96.7%). Tỷ lệ sử dụng chung cột ăng ten giữa các doanh nghiệp viễn thông đạt 7.6%. Các doanh nghiệp cũng đầu tư xây dựng mới gần 800km cáp mạng ngoại vi; cải tạo chỉnh trang gần 150km cáp; phối hợp với các

cơ quan Nhà nước đề di dời, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Thuê bao điện thoại: tổng số thuê bao trên toàn mạng ước đạt 2.973.300 thuê bao bằng 100,88% so với cùng kỳ (trong đó 25.300 thuê bao cố định; 2.948.000 thuê bao di động), mật độ thuê bao điện thoại đạt 80,50 máy/100 dân.

Thuê bao Internet: Tổng số thuê bao trên toàn mạng ước đạt 2.400.000 thuê bao bằng 102,13% so với cùng kỳ, đạt mật độ 65,4 thuê bao/100 dân.

4. Dữ liệu số

Dữ liệu số đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện chuyển đổi số; do đó, các ngành, các đơn vị đã thực hiện số hóa, phát triển dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu phục vụ cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành và hỗ trợ trong công tác ra quyết định của các cơ quan, đơn vị.

Việc tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu giúp người dân, doanh nghiệp không phải kê khai, cung cấp thông tin nhiều lần; cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước không phải nhập lại thông tin khi thao tác nghiệp vụ trên nhiều phần mềm; việc khai thác các dữ liệu dùng chung sẽ làm giảm việc đầu tư trùng lặp, gây lãng phí và cho phép cung cấp dữ liệu mở ra bên ngoài phục vụ khu vực tư xây dựng, phát triển hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ mới cho xã hội. Trong thời gian qua các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tạo lập, duy trì và triển khai đưa vào sử dụng một số hệ thống dữ liệu như sau:

- Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.thanhhoa.gov.vn>) đã được đưa vào triển khai, sử dụng với 195 cơ sở dữ liệu mở của 15 lĩnh vực nhằm chia sẻ, công khai dữ liệu mở phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và đảm bảo công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền đối với người dân, doanh nghiệp.

- Hoàn thành việc kết nối chính thức giữa Cổng dịch vụ công; hệ thống một cửa điện tử tỉnh Thanh Hóa với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; việc kết nối với CSDL Quốc gia dân cư bắt đầu được đưa vào khai thác sử dụng từ ngày 20/02/2023 giúp người dân khi thực hiện các dịch vụ công không phải khai báo lại thông tin cá nhân và thời gian thực hiện các dịch vụ công được nhanh chóng, chính xác và thuận lợi.

- Lĩnh vực Y tế: Đã có 678/678 cơ sở y tế đã triển khai việc khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip để thay thế thẻ Bảo hiểm Y tế; đã đồng bộ thông tin của 3.037.420 thẻ Bảo hiểm Y tế vào thẻ Căn cước công dân gắn chip.

- Lĩnh vực an sinh xã hội: Thực hiện chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ

xã hội trên địa bàn tỉnh với số lượng 261.308 người (trong đó: 194.479 người hưởng chính sách bảo trợ xã hội; 66.829 người hưởng chính sách người có công).

- Phát triển công dân số: Ngành Công an tiếp tục thu nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân cho các đối tượng trên địa bàn (cả thường trú, tạm trú, cư trú) với số lượng 3.421.346 hồ sơ; đã tiếp nhận 2.336.438 hồ sơ tạo tài khoản định danh điện tử (vượt chỉ tiêu 715.471 hồ sơ); kích hoạt thành công 1.651.144 tài khoản (vượt chỉ tiêu 30.177 hồ sơ được giao).

- Dữ liệu trẻ em: Đã chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật thông tin dữ liệu trẻ em: 780.355/960.281 trẻ em (đạt tỷ lệ 81,3%) trên địa bàn tỉnh.

- Dữ liệu người có công: đã thực hiện rà soát và làm sạch 60.468/65.546 người trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đạt tỉ lệ 92,25%).

- Dữ liệu Bảo hiểm - Xã hội: toàn tỉnh đã xác thực đúng với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư 3.079.271/3.200.783 hồ sơ (đạt tỷ lệ 96,20%).

- Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức người lao động: đã cập nhật, số hóa thông tin của 84.505 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh và đồng bộ với CSDL Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (đạt tỷ lệ 100%).

- Lĩnh vực thuế: Đã thực hiện rà soát là 1.721.898/ 2.262.033 mã số thuế cá nhân (đạt tỷ lệ 76%).

- Số hóa hộ tịch trên nền CSDL Quốc gia về dân cư: đã nhập dữ liệu cho 300.790/2.343.764 trường hợp (đạt tỉ lệ 12,83%).

- Dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe: toàn tỉnh đã triển khai liên thông giấy khám sức khỏe cho người lái xe tại 38/40 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với 22.279 giấy khám sức khỏe cho người lái xe được liên thông, chia sẻ trên môi trường mạng.

- Tiếp tục duy trì kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 04/27 huyện (với 95/559 xã, thị trấn, đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, gồm: huyện Triệu Sơn đã triển khai 36/36 xã, thị trấn; huyện Yên Định đã triển khai 29/29 xã, thị trấn; huyện Hà Trung đã triển khai 25/25 xã, thị trấn và huyện Thiệu Hóa đã triển khai tại 05/25 xã, thị trấn).

5. Nhân lực số

Nhân lực chuyên đổi số là một trong những yếu tố quyết định đến thành công của quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian qua, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các Chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, về bảo đảm an toàn thông tin trong chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức cho hơn 3.500 học viên là cán bộ công chức của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, các xã trên địa bàn tỉnh; trong đó gồm có:

- Đối với cán bộ chuyên trách CNTT, chuyển đổi số: đã tổ chức được 02 lớp bồi dưỡng, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bảo vệ 04 lớp cho cán bộ phụ trách CNTT-ATTT của các đơn vị với 120 học viên.

- Đối với cán bộ công chức: đã tổ chức 04 lớp tập huấn kiến thức về kỹ năng số, biên tập tin bài để tuyên truyền, nâng cao nhận thức với 320 học viên; 05 lớp tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng tham gia hoạt động trên sàn thương mại điện tử thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn 450 học viên; các nội dung bảo đảm an toàn, an ninh hoạt động trên hạ tầng bưu chính khi tham gia hoạt động trên sàn thương mại điện tử; 06 lớp về chuyển đổi số cấp huyện cấp xã cho 540 học viên; 18 lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về an toàn thông tin và phần mềm dùng chung cho 1.500 cán bộ cấp xã, phường, thị trấn; 07 lớp bồi dưỡng, tập huấn về vận hành, quản lý và khắc phục sự cố liên quan đến quá trình khai thác và vận hành hệ thống hội nghị truyền hình tại các điểm cầu trong tỉnh cho cán bộ công chức cấp xã với 605 học viên.

- Tổ chức 04 hội nghị tư vấn các mô hình, nền tảng về chuyển đổi số trong hoạt động, sản xuất kinh doanh cho hơn 600 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. An toàn, an ninh mạng

- Công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng được duy trì vận hành, đảm bảo hoạt động tốt 24/24; thực hiện thường xuyên công tác sao lưu dữ liệu website, phần mềm ứng dụng, dùng chung cho các cơ quan, đơn vị tại hệ thống Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu tỉnh Thanh Hóa; tổ chức quản lý, hỗ trợ vận hành, tổng hợp theo dõi tình hình sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; hỗ trợ khắc phục các lỗi trên phần mềm: Chữ ký số; báo cáo văn bản qua mạng; tra cứu dữ liệu....

- Hệ thống giám sát của Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng tỉnh phát hiện 16 cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đang bị lây nhiễm mã độc, kết nối vào mạng máy tính ma (botnet) do tin tặc điều khiển; 434 máy tính nhiễm mã độc đã được xử lý, 954 máy tính có kết nối đến các tên miền độc hại ngoài internet, 940 máy tính tồn tại các lỗ hổng bảo mật; Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh đã triển khai thực hiện ứng cứu 464 lượt sự cố liên quan đến phần mềm dùng chung.

- 100% các hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được chuyển đổi sang sử dụng địa chỉ IPv6; có 856/856 cơ quan, đơn vị có hệ thống thông tin được phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; trong đó, có 08/856 đơn vị có hệ thống camera giám sát được triển khai tích hợp trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung đã được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin có sử dụng hệ thống camera giám sát.

7. Chính quyền số

Với quyết tâm thực hiện xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; đổi mới phương thức làm việc; chuyển đổi quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; trong thời gian qua, toàn tỉnh đã có nhiều sự thay đổi, đổi mới và hiện đại hóa nền hành chính; kết quả đó được thể hiện qua việc triển khai các nền tảng, hệ thống cụ thể như sau:

- Nền tảng chia sẻ, tích hợp nội tỉnh LGSP (<https://lgsp.thanhhoa.gov.vn>): Hiện đang cung cấp 11 dịch vụ kết nối các phần mềm nội tỉnh và 10 dịch vụ kết nối bên ngoài; trực kết nối nội tỉnh đang được duy trì, hoạt động một cách thường xuyên, ổn định.

- Việc trao đổi và xử lý văn bản hồ sơ liên thông trên môi trường mạng giữa các quan khối Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cả 03 cấp trên nền tảng tích hợp dữ liệu của tỉnh (trực LGSP); thực hiện việc kết nối, chia sẻ, trao đổi văn bản điện tử giữa chính quyền và doanh nghiệp. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản trên hệ thống là 2.939.433 lượt văn bản; tỷ lệ ký số cơ quan đạt 98,5%; hệ thống phần mềm Phản hồi Thanh Hóa đã tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân với tỷ lệ xử lý đúng hạn đạt trên 93%; việc này nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền; nâng cao hiệu quả trong công tác phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh đã được chuyển đổi sang địa chỉ IPv6; hiện tại đang cung cấp 890 dịch vụ công trực tuyến một phần và 872 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã tích hợp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia 1.202 dịch vụ (theo Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh); tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trước và đúng hạn đạt 97,61%. Cổng Dịch vụ công tỉnh và hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh hoạt động ổn định, hiệu quả, thực hiện công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã: trong năm 2023 đã hoàn thành việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện năm 2022 theo Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

8. Kinh tế số

Kinh tế số đã bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền thống của doanh nghiệp, người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ bó hẹp trong địa bàn, trong huyện, trong tỉnh ra ngoài tỉnh.

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 làm cơ sở hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; trong đó xác định đến năm 2025, toàn tỉnh có ít nhất 100 doanh nghiệp số; đến năm 2030, có ít nhất 150 doanh nghiệp số; và xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra.

- Các Sở, ban, ngành, Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh tăng cường tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo các mô hình sản xuất mới phù hợp, hiệu quả.

- Các cơ quan truyền thông đã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân về thanh toán phí, lệ phí điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt.

- Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên các sàn thương mại điện tử (như postmart.vn và voso.vn); thực hiện kết nối triển khai công tác truyền thông lan tỏa, quảng bá các sản phẩm mũi nhọn; đã đưa 152 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP và 11.361 sản phẩm đặc trưng của các huyện lên sàn thương mại điện tử postmart.vn và các sàn thương mại điện tử khác; cung cấp hơn 105.815 tem truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ trên 850.000 tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán các dịch vụ thiết yếu.

9. Xã hội số

- Các cơ quan, đơn vị; UBND cấp huyện thực hiện tuyên truyền và hướng dẫn người dân cài đặt phần mềm VneID trên thiết bị di động thông minh để thuận tiện trong các giao dịch cơ bản như: thẻ BHYT, BHXH, dịch vụ công, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet...đồng thời hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Khuyến khích người dân tiếp cận với các hoạt động thương mại điện tử trong nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm OCOP chủ lực của tỉnh, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, những sản phẩm đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP của tỉnh giúp tăng tỷ trọng của nông nghiệp số.

- Các huyện, các xã tiếp tục duy trì, triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng mô hình: "Camera Nhân dân với an ninh, trật tự" để thực hiện việc quản lý an ninh, trật tự; duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo để trao đổi giữa các cơ quan chính quyền với người dân để tháo gỡ khó khăn và trao đổi thông tin một cách thuận lợi và nhanh chóng.

- 100% nhà văn hoá, thôn khu phố, các điểm du lịch được lắp đặt Wifi miễn phí. Đoàn Thanh niên đã hỗ trợ xây dựng mã QR Code tại các điểm du lịch (Đền Sòng Sơn, đền Chín Giếng, Chùa Khánh Quang, Khu di tích Lam Kinh, Khu du lịch Pù Luông; đền Trần, đền cô Bơ....) phục vụ du khách tra cứu, tìm hiểu thông tin về các điểm du lịch, du lịch tâm linh trên địa bàn.

- Đẩy mạnh thực hiện việc chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; 100% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội (đã đăng ký tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản Mobile money...) được chi trả chế độ chính sách qua phương thức điện tử, không dùng tiền mặt.

10. Kết quả triển khai nổi bật

- Hoàn thành việc kết nối chính thức giữa Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa của tỉnh với CSDL Quốc gia về Dân cư từ ngày 20/02/2023; giúp cho người dân, tổ chức khi thực hiện các TTHC được định danh và xác thực điện tử thông suốt; không phải khai báo thông tin ban đầu.

- Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.thanhhoa.gov.vn>) đã được đưa vào triển khai, sử dụng với 15 nhóm dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi số các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện: Hoàn thành việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh năm 2022 (Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 20/6/2023).

- Chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 về các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành việc phê duyệt phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ cho 856 đơn vị (đây là nhiệm vụ được của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho tỉnh Thanh Hóa thực hiện trong năm 2023).

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quan trọng; kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao cụ thể và các nhiệm vụ theo Kế hoạch hành động trọng tâm Năm dữ liệu số quốc gia tại Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

Trên cơ sở các chỉ tiêu, mục tiêu và nhiệm vụ tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDT ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số về ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023; Ban

chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đã cụ thể hóa thành các chỉ tiêu, mục tiêu và nhiệm vụ của tỉnh và được Trưởng Ban chỉ đạo chuyển đổi số ban hành Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 về kế hoạch hoạt động năm 2023. Đến nay, đã hoàn thành 21/43 chỉ tiêu; còn lại 22/43 chỉ tiêu đang được triển khai thực hiện.

Đối với nhiệm vụ Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho tỉnh Thanh Hóa năm 2023 về việc phê duyệt phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, bằng sự nỗ lực tập trung triển khai thực hiện, đến nay 856 đơn vị đã được phê duyệt phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ (hoàn thành nhiệm vụ được Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao).

Đối với các chỉ tiêu của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao thực hiện trong năm 2023; tỉnh Thanh Hóa có 06 chỉ tiêu khó thực hiện được do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Thông tin và Truyền thông.

(Có phụ lục 02 đánh giá kết quả chi tiết gửi kèm theo).

III. Đánh giá kết quả triển khai và nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai.

Trong quá trình triển khai còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 118.839 hộ nghèo, cận nghèo (chiếm 11,88% tổng số hộ)/472.447 nhân khẩu (chiếm 12,69% tổng dân số), do đó tỷ lệ việc các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận thông tin và sử dụng thiết bị thông minh gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh còn thấp.

- Về việc thực hiện 02 chỉ tiêu An toàn, an ninh mạng: hiện nay, Bộ chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản đối với thuê bao điện thoại di động thông minh và giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đối với hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng; chưa có phương pháp xác định giá trị cụ thể đối với hai chỉ tiêu trên nên khó khăn trong công tác triển khai thực hiện.

- Ngày 04/4/2023, Ủy ban Quốc gia Chuyển đổi số đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS về kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023; tuy nhiên, qua quá trình thực hiện, tỉnh Thanh Hóa đang còn lúng túng và khó khăn trong việc thực hiện 06 chỉ tiêu (gồm 01 chỉ tiêu về dữ liệu số; 02 chỉ tiêu về chính phủ số; 01 chỉ tiêu về xã hội số và 02 chỉ tiêu về an toàn thông tin). Sở Thông tin và Truyền thông đã đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cụ thể tại công văn số 2295/STTTT-CNTT ngày 20/9/2023.

IV. Các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số triển khai trong 03 tháng cuối năm 2023.

1. Phát triển hạ tầng số

- Xây dựng kế hoạch và từng bước hoàn thiện hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước, đô thị.

- Xây dựng kế hoạch triển khai và làm chủ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai (đám mây công cộng, đám mây dùng riêng, đám mây lai) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số.

2. Dữ liệu số

- Duy trì hoạt động của Cổng Dữ liệu mở của tỉnh; tạo lập, kết nối, chia sẻ, bảo vệ dữ liệu.

- Phối hợp triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

3. Phát triển Chính quyền số

- Triển khai trợ lý ảo để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Hướng dẫn và thẩm định hoàn thành chuyển đổi số cấp xã theo chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022.

4. Phát triển kinh tế số

- Tiếp tục phổ cập chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; cung cấp các tài liệu hướng dẫn, công cụ tự đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, hỗ trợ đào tạo, tư vấn, thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Hỗ trợ đưa sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trên tất cả các hoạt động của đời sống xã hội.

5. Phát triển xã hội số

- Duy trì thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị; tới các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức, thông tin về chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số thông qua các khóa, chương trình học phù hợp với từng đối tượng, trong đó tập trung triển khai trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

- Triển khai chương trình phối hợp với Đoàn Thanh niên, sử dụng lực lượng Đoàn Thanh niên là lực lượng xung kích, đi đầu trong quá trình thực hiện chuyển đổi số để hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số; cụ thể là trong việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ thiết yếu như thanh toán tiền điện, tiền nước sinh hoạt; tiền Internet...; hỗ trợ cho người dân thực hiện khai báo định danh điện tử qua ứng dụng VNeID do Bộ Công an triển khai.

- Xây dựng và triển khai mô hình chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực: du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế.

6. An toàn thông tin mạng

- Phổ biến, triển khai phần mềm bảo vệ ở mức cơ bản về an toàn thông tin mạng cho người dân theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo hồ sơ cấp độ đã được phê duyệt trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; hoàn thành mô hình điểm về an toàn thông tin.

V. Đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo; Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn để thúc đẩy chuyển đổi số.

- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan để sớm triển khai hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 nhằm nâng cao chỉ số chuyển đổi số của các địa phương và của quốc gia; hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo được trang bị điện thoại thông minh để có điều kiện tiếp cận thông tin, sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

- Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cụ thể các phần mềm, giải pháp an toàn thông tin mạng cần cài đặt đối với thuê bao điện thoại di động thông minh và đường Internet cáp quang băng rộng của các hộ gia đình; hướng dẫn phương pháp để xác định giá trị cụ thể đối một số chỉ tiêu trong Quyết định số 17/QĐ-UBQGCD (Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa đã đề nghị cụ thể các nội dung này tại Công văn số 2295/STTTT-CNTT ngày 20/09/2023).

VI. Đề xuất nội dung báo cáo, tham luận tại Phiên họp: Không.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong 9 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh Thanh Hóa kính gửi Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tổng hợp phục vụ Phiên họp Quý III năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Công nghiệp CNTT và Truyền thông;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**Phụ lục 1: Danh mục các văn bản về chuyển đổi số
được ban hành trong 9 tháng đầu năm 2023**
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2023 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
I	Chỉ thị		
1	Chỉ thị về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị Camera giám sát	02/CT-UBND	18/01/2023
II	Quyết định		
1	Quyết định về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	630/QĐ-UBND	27/02/2023
2	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật Dự án “Hợp nhất, nâng cấp Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa”	729/QĐ-UBND	06/3/2023
3	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự án: Xây dựng Cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động tại tỉnh Thanh Hóa	897/QĐ-UBND	17/3/2023
4	Quyết định thay đổi thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa	978/QĐ-UBND	27/3/2023
5	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự án: “Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa”	1119/QĐ-UBND	06/4/2023
6	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật dự án: “Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”	1139/QĐ-UBND	07/4/2023
7	Quyết định thay đổi thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa	1650/QĐ-UBND	17/5/2023

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
8	Quyết định về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	1829 /QĐ-UBND	30/5/2023
9	Quyết định về việc ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022	2148/QĐ-UBND	20/6/2023
III	Kế hoạch		
1	Kế hoạch về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030	77/KH-UBND	28/3/2023
2	Kế hoạch tổ chức đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm về mô hình chuyển đổi số tại tỉnh Thừa Thiên Huế	65/KH-BCĐ	20/3/2023
3	Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023 tỉnh Thanh Hóa	100/KH-BCĐ	26/4/2023
4	Kế hoạch tổ chức các sự kiện Ngày chuyển đổi số Quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	210/KH-UBND	22/8/2023
5	Kế hoạch về việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023-2025	225/KH-UBND	15/9/2023
6	Kế hoạch về việc kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ và các chỉ tiêu về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa năm 2023	226/KH-BCĐ	15/9/2023
IV	Công văn		
1	Về việc đẩy mạnh thực hiện phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số	9791/UBND-CNTT	10/7/2023
2	Về việc giao nhiệm vụ thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa hằng năm	11401/UBND-CNTT	08/8/2023

**Phụ lục 2: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023
của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2023 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
I	Phát triển hạ tầng số		
1	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt trên 80%.	Quý IV	Đang thực hiện Theo báo cáo của 03 đơn vị (Viettel, VNPT và Mobifone); đến nay đạt tỷ lệ là 77% (2.155.455/2.794.448 thuê bao)
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng đạt trên 85%	Quý IV	Đã hoàn thành Theo báo cáo của 03 đơn vị (Viettel, VNPT và Mobifone); đến nay đạt tỷ lệ là 96% (531.581/553.945 thuê bao).
3	Tiếp tục đầu tư và duy trì triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ Hội nghị trực tuyến đồng bộ 03 cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với Hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia	Quý IV	Đã hoàn thành Toàn tỉnh có hơn 600 đơn vị đã có hệ thống Hội nghị trực tuyến (phương thức điểm cầu cứng và điểm cầu mềm). Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến luôn được duy trì hoạt động ổn định phục vụ các cuộc họp từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã.
4	Xây dựng và từng bước hoàn thiện hạ tầng điện toán đám mây phục vụ nhu cầu chuyển đổi số;	Quý IV	Đang thực hiện

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
	Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong một số ngành, lĩnh vực.		Đang thực hiện
5	Phủ sóng mạng di động 4G và mạng Internet cáp quang đến 100% trung tâm các thôn/bản trên địa bàn tỉnh.	Quý IV	Đã hoàn thành
II	Dữ liệu số		
6	Xây dựng và ban hành được danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; hoàn thành ít nhất 50% tổng số cơ sở dữ liệu dùng chung trong danh mục đã ban hành	Quý I	Đã hoàn thành Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 27/02/2023
7	Hoàn thành việc triển khai cung cấp dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh	Quý II	Đã hoàn thành Hoàn thành Cổng dữ liệu mở (https://opendata.thanhhoa.gov.vn) với 15 nhóm dữ liệu của 195 CSDL dữ liệu mở chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.
8	Phấn đấu 100% các sở, ngành đủ điều kiện cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Quý III	Đã hoàn thành Hiện đang cung cấp 11 dịch vụ kết nối các phần mềm nội tỉnh và 10 dịch vụ kết nối bên ngoài.
9	Hoàn thành xây dựng, triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Quý IV	Đang thực hiện Hiện đang phối hợp hoàn thành Kế hoạch thuê dịch vụ đối với Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh (IOC tỉnh) và đã có văn bản 2291/STTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể.
10	Triển khai kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các cấp đề	Quý IV	Đang thực hiện (Theo báo cáo số 394/HCC-HCQT ngày 14/9/2023)

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
	người dân, doanh nghiệp chỉ phải nhập dữ liệu một lần khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến		
11	Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Quý IV	Đang thực hiện (Công văn số 14164/UBND-CNTT ngày 15/9/2023)
12	100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, đại học hoàn thành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo	Quý IV	Đã hoàn thành Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, đại học có đào tạo về Tin học, CNTT đã thực hiện lồng ghép nội dung và triển khai trong các khóa đào tạo của đơn vị.
13	100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng	Quý IV	Đã hoàn thành
14	100% các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Quý IV	Đã hoàn thành
III	Phát triển chính quyền số		
15	Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử	Quý IV	Đang thực hiện (Theo báo cáo số 394/HCC-HCQT ngày 14/9/2023)
16	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực	Quý IV	Đã hoàn thành 890 dịch vụ công trực tuyến một phần và 872 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã tích hợp lên Cổng dịch vụ

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
	tuyển toàn trình; 50% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.		công Quốc gia 1.202 dịch vụ (<i>Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023</i>).
17	30% thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công; 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Quý IV	Đã hoàn thành (Theo báo cáo số 394/HCC-HCQT ngày 14/9/2023)
18	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	Quý IV	Đã hoàn thành (Theo báo cáo số 394/HCC-HCQT ngày 14/9/2023)
19	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%. Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến từ xa	Quý IV	Đang thực hiện (Theo báo cáo số 394/HCC-HCQT ngày 14/9/2023)
20	Phấn đấu trên 30% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân	Quý III	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
21	Phấn đấu trên 30% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật	Quý III	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
22	Trên 30% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Quý III	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
23	100% cán bộ công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	Quý III	Đã hoàn thành -Đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức cho hơn 3.500 học viên là cán bộ công chức của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, các xã trên địa bàn tỉnh. - 27/27 đơn vị cấp huyện tự tổ chức từ 01-02 lớp tập huấn dành cho CBCC của đơn vị.
24	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 100%	Quý IV	Đã hoàn thành Cung cấp thông tin, dữ liệu của 08/08 chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia của Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
25	Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	Quý IV	Đang thực hiện (Theo báo cáo số 394/HCC-HCQT ngày 14/9/2023)
IV	Phát triển Kinh tế số		
26	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP trên 16%	Quý IV	Đang thực hiện
27	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 10%	Quý IV	Đang thực hiện
28	100% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý	Quý IV	Đã hoàn thành
29	100% các sở, ngành, địa phương triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý	Quý IV	Đã hoàn thành

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
30	Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng nền tảng số	Quý IV	Đã hoàn thành 100% các doanh nghiệp đã sử dụng nền tảng kế toán của Misa; sử dụng chữ ký số điện tử để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.
31	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%	Quý IV	Đang thực hiện
32	Xây dựng thí điểm được mô hình chuyển đổi số ở một số ngành, lĩnh vực	Quý IV	Đang thực hiện Đang triển khai mô hình du lịch số; mô hình đào tạo sử dụng nền tảng trực tuyến và mô hình khám chữa bệnh.
V	Xây dựng xã hội số		
33	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%	Quý IV	Đang thực hiện
34	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên 30%	Quý IV	Đang thực hiện
35	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác trên 75%	Quý IV	Đã hoàn thành
36	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%	Quý IV	Đang thực hiện (Theo báo cáo số 394/HCC-HCQT ngày 14/9/2023)
37	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%	Quý IV	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
38	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%	Quý IV	Đã hoàn thành

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
			Theo báo cáo của UBND các huyện; 95 % dân số đã có hồ sơ sức khỏe điện tử.
VI	An toàn, an ninh mạng		
39	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Quý IV	Đã hoàn thành
40	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Quý IV	Đã hoàn thành
41	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 50%	Quý IV	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
42	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt trên 50%	Quý IV	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
43	70% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.	Quý IV	Đang thực hiện